

Bản tin pháp lý

Tháng 11/2020

Nội dung

Luật Đầu tư.....	2
Luật Sở hữu Trí tuệ	11
Các lĩnh vực khác:	13
Tài chính.....	13
Ngân hàng.....	13
Thương mại.....	14
Lao động.....	14
Y tế	14
Giáo dục	15
Giao thông vận tải	16
Xây dựng.....	16
Tài nguyên - Môi trường.....	17
Khoa học kỹ thuật.....	17
Thông tin - Truyền thông.....	18
Hành chính - Tư pháp.....	19
Nông - Lâm - Ngư nghiệp	19
Doanh nghiệp.....	20
Văn bản khác	20
Địa chỉ liên hệ.....	22

Bản tin pháp lý này được phát hành cho khách hàng của chúng tôi và những người quan tâm. Các thông tin trong Bản tin này chỉ để tham khảo. Chúng tôi đề nghị Quý khách hàng và độc giả nên tham khảo ý kiến chuyên môn đối với các vấn đề cụ thể. Xin hãy liên hệ trực tiếp tới các văn phòng của chúng tôi hoặc những người có tên tại cuối Bản tin này.

Bản tin pháp lý này có trên trang Web của chúng tôi tại www.vision-associates.com

© 2020. Bản quyền của Công ty Vision & Associates.

Luật Đầu tư

Một số nội dung mới đáng chú ý của Luật PPP

Ngày 18/6/2020, tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội chính thức thông qua Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (“Luật PPP”). Luật này gồm 11 chương và 101 điều; là luật thống nhất điều chỉnh hoạt động đầu tư, thu hút khu vực tư nhân tham gia đầu tư một số lĩnh vực hạ tầng quan trọng, thiết yếu theo phương thức đối tác công – tư; và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Đây chính là một khung pháp lý ổn định, vững chắc cho các hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tác công tư vốn là những hoạt động đầu tư có quy mô lớn, thời gian lâu dài, có tính chất tác động lớn đến kinh tế - xã hội đất nước.

Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được giải thích tại Khoản 10 Điều 3 Luật PPP như sau: “Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Public Private Partnership - sau đây gọi là đầu tư theo phương thức PPP) là phương thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp tác có thời hạn giữa Nhà nước và nhà đầu tư tư nhân thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng dự án PPP nhằm thu hút nhà đầu tư tư nhân tham gia dự án PPP”. Như vậy, trong quan hệ đầu tư theo phương thức đối tác công tư luôn có 2 chủ thể là Nhà nước và nhà đầu tư tư nhân. Cơ sở để hợp tác giữa hai chủ thể này là hợp đồng dự án PPP. Hợp đồng dự án PPP là thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP về việc Nhà nước nhượng quyền cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP thực hiện dự án PPP. Hợp đồng dự án PPP bao gồm các loại: Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (hợp đồng BOT); Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh/ Build - Transfer – Operate (hợp đồng BTO); Hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh/ Build - Own - Operate (hợp đồng BOO); Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý/ Operate - Manage (hợp đồng O&M); Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ/ Build - Transfer - Lease (hợp đồng BTL); Hợp đồng Xây dựng - Thuê dịch vụ - Chuyển giao/ Build - Lease - Transfer (hợp đồng BLT); Hợp đồng hỗn hợp.

Hiện nay, việc đầu tư theo phương thức đối tác công tư được quy định tại Luật Đầu tư năm 2014 (“**Luật Đầu tư**”) và Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (“**Nghị định 63**”). So với các quy định hiện hành thì Luật PPP có rất nhiều điểm mới doanh nghiệp cần lưu ý.

1. Về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP

Luật Đầu tư và Nghị định 63 quy định các lĩnh vực đầu tư khá rộng như: Trữ sở cơ quan Nhà nước; nhà ở công vụ; nhà ở xã hội; nhà ở tái định cư; khoa học và công nghệ, khí tượng thủy văn; ứng dụng công nghệ thông tin; Nông nghiệp và phát triển nông thôn; dịch vụ phát triển liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu

thụ sản phẩm nông nghiệp; Hạ tầng thương mại; hạ tầng khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ thông tin tập trung; hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao; cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa...

So với Nghị định 63 (là văn bản pháp luật hiện hành về PPP) thì theo quy định tại Luật PPP, các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP đã thu hẹp, giờ chỉ còn 5 lĩnh vực sau so với 9 lĩnh vực trước đây: (1) Giao thông, (2) Lưới điện, Nhà máy điện (trừ nhà máy thủy điện và trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của Luật điện lực); (3) Thủy lợi, cung cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; (4) Y tế, giáo dục – đào tạo; (5) Hạ tầng công nghệ thông tin.

Như vậy, so với Luật Đầu tư và Nghị định 63 thì Luật PPP đã thu hẹp các lĩnh vực đầu tư. Nhiều lĩnh vực sẽ không còn được đầu tư theo phương thức PPP như: văn hóa; thể thao; du lịch; khoa học và công nghệ, khí tượng thủy văn; Nông nghiệp và phát triển nông thôn; dịch vụ phát triển liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Trụ sở cơ quan Nhà nước; nhà ở công vụ; nhà ở xã hội; nhà ở tái định cư... Việc thu hẹp lĩnh vực đầu tư cho thấy định hướng mang tính trọng tâm, trọng điểm vào những lĩnh vực cần thu hút đầu tư như giao thông vận tải, y tế giáo dục, nước sạch, xử lý chất thải, nhà máy điện, hạ tầng công nghệ thông tin, từ đó tránh đầu tư tràn lan gây thất thoát lãng phí ngân sách, tài sản Nhà nước gây rủi ro ở cấp độ quốc gia.

2. **Về quy mô đầu tư:** Luật PPP hướng tới dự án có quy mô đủ lớn, quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu để đầu tư theo phương thức PPP là 200 tỷ đồng. Đối với những dự án thuộc lĩnh vực Y tế, Giáo dục – đào tạo, hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo pháp luật về đầu tư, giá trị này là 100 tỷ đồng.

3. **Về phân loại dự án PPP và thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư:** Đây là một điểm rất mới so với các quy định hiện hành về PPP. Do Luật PPP nằm trong mối quan hệ hữu cơ của đầu tư công và đầu tư tư nhân nên có những nét giống với Luật đầu tư công và Luật đầu tư tư nhân, đó là Luật quy định việc phân loại dự án gắn với thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, gồm Quốc hội; Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư là cấp quyết định quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư.

So với Luật Đầu tư và Nghị định 63, quy định của Luật PPP về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP đã bỏ thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh. Cụ thể, các chủ thể sau có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP:

- (a) Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc một trong các tiêu chí sau đây:
 - (i) Sử dụng vốn đầu tư công từ 10.000 tỷ đồng trở lên;
 - (ii) Ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, bao gồm: nhà máy điện hạt nhân; sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 50 ha trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển từ 500 ha trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 ha trở lên;
 - (iii) Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô từ 500 ha trở lên;
 - (iv) Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở vùng khác;
 - (v) Dự án đòi hỏi phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.
- (b) Trừ dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc một trong các tiêu chí sau đây:
 - (i) Di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác;
 - (ii) Dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương do Bộ, cơ quan trung ương quản lý, có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công, dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;
 - (iii) Đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; đường cất hạ cánh của cảng hàng không, sân bay; nhà ga hành khách của cảng hàng không quốc tế; nhà ga hàng hóa của cảng hàng không, sân bay có công suất từ 01 triệu tấn/năm trở lên;
 - (iv) Đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển loại I có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công.
- (c) Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan Trung ương, cơ quan khác: Trừ những dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ thì Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan Trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc phạm vi quản lý.
- (d) Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh: Trừ những dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Như vậy, đây là một thay đổi quan trọng về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, nhất là ở địa phương sẽ không còn phân biệt thẩm quyền giữa Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân mà tất cả các dự án đầu tư theo phương thức PPP thuộc phạm vi địa phương đều phải thông qua Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh. Điều này tạo điều kiện thực hiện thống nhất, minh bạch đối với các dự án PPP trên địa bàn cấp tỉnh.

4. **Về Hội đồng thẩm định dự án PPP:** Đây là cơ chế đảm bảo sự phối hợp liên ngành theo đúng sự kỳ vọng của doanh nghiệp. Cơ chế này thể hiện qua 3 cấp Hội đồng thẩm định cơ bản dự án PPP, bao gồm: (1) Hội đồng thẩm định Nhà nước, (2) Hội đồng thẩm định liên ngành, (3) Hội đồng thẩm định cấp cơ sở.
5. **Về Vốn Nhà nước trong dự án PPP:** Luật quy định cụ thể mục đích sử dụng phương thức quản lý vốn Nhà nước trong dự án PPP. Trong đó, với phần vốn Nhà nước để hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng và giải phóng mặt bằng, hạn mức tham gia trong dự án PPP không quá 50% tổng mức đầu tư và được quản lý, sử dụng theo hai phương thức: (1) Tách thành tiểu dự án trong dự án PPP, (2) Bố trí vào hạng mục cụ thể theo tỷ lệ và giá trị, tiến độ và điều kiện quy định tại Hợp đồng. Ở Điều 69 đã quy định mức vốn Nhà nước tham gia dự án rõ hơn so với Nghị định 63 hiện hành, nhưng vẫn duy trì hỗ trợ ở 2 nhóm hợp đồng là các dự án BOT, BTO và BOO, và nhóm BTL, BLT. Điểm mới ở đây là tỷ lệ vốn Nhà nước tham gia dự án PPP không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án.
6. **Công bố thông tin dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia:**

Để đảm bảo tính công khai, minh bạch trong đầu tư theo phương thức PPP, Điều 9 của Luật quy định một số thông tin phải được công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Cụ thể:

 - (a) Thông tin về quyết định chủ trương đầu tư; quyết định phê duyệt dự án PPP;
 - (b) Thông tin về lựa chọn nhà đầu tư, gồm: Thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu, danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
 - (c) Thông tin về nhà đầu tư được lựa chọn, doanh nghiệp dự án PPP;
 - (d) Nội dung chính của hợp đồng dự án PPP, gồm: Tổng vốn đầu tư; cơ cấu nguồn vốn trong dự án; loại hợp đồng; thời hạn thực hiện dự án (nếu có); giá, phí sản phẩm, dịch vụ; hình thức và địa điểm thu giá, phí (nếu có) và các thông tin cần thiết khác;
 - (e) Giá trị quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP trong trường hợp có sử dụng;
 - (f) Văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP;
 - (g) Cơ sở dữ liệu về nhà đầu tư;

- (h) Thông tin giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP.

Ngoài ra, các thông tin này còn được khuyến khích đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.

7. 12 hành vi bị cấm trong đầu tư theo phương thức PPP:

Các hành vi này được quy định tại Điều 10 của Luật PPP. Cụ thể:

- (a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn Nhà nước trong dự án PPP trường hợp dự án có yêu cầu sử dụng; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục;
- (b) Phê duyệt dự án PPP khi chưa có chủ trương đầu tư; không phù hợp với chủ trương đầu tư; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục;
- (c) Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng thông đồng với tổ chức tư vấn, nhà đầu tư dẫn tới quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án PPP gây thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước, tài nguyên của quốc gia; làm tổn hại, xâm phạm lợi ích của công dân và của cộng đồng;
- (d) Không bảo đảm công bằng, minh bạch trong lựa chọn nhà đầu tư;
- (e) Tiết lộ, tiếp nhận tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà đầu tư;
- (f) Thông thầu;
- (g) Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền và nghĩa vụ không đúng quy định của Luật này và hợp đồng dự án PPP;
- (h) Dừng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ngoài trường hợp quy định tại hợp đồng dự án PPP;
- (i) Đưa, nhận, môi giới hối lộ;
- (j) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt, vụ lợi, tham nhũng trong quản lý và sử dụng vốn Nhà nước trong dự án PPP; can thiệp bất hợp pháp vào quy trình thực hiện dự án PPP;
- (k) Gian lận, làm giả, làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu; cố ý cung cấp thông tin không trung thực, không khách quan;
- (l) Cản trở việc phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP.

8. Quy định chi tiết tư cách hợp lệ của nhà đầu tư:

Không phải nhà đầu tư nào cũng có thể tham gia đầu tư theo phương thức PPP mà chỉ những nhà đầu tư đáp ứng được các điều kiện sau:

- (a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp;

- (b) Hạch toán tài chính độc lập; bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư;
- (c) Không đang trong quá trình giải thể; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật;
- (d) Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP;
- (e) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phải liên danh với nhà đầu tư thuộc khu vực tư nhân để tham dự thầu;
- (f) Nhà đầu tư thành lập theo pháp luật nước ngoài phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường khi tham dự thầu dự án thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện theo pháp luật về đầu tư.

9. Thống nhất về quy trình lựa chọn nhà đầu tư theo Luật Đầu tư: Đây là lần đầu tiên các quy định về đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư được tích hợp trong một văn bản quy phạm pháp luật về PPP, bảo đảm tính thống nhất, chỉnh thể và tính liên tục của quy trình thực hiện một dự án PPP; đồng thời, thu hẹp trường hợp chỉ định nhà đầu tư so với quy định hiện hành tại Luật Đấu thầu 2013.

Nếu như Luật Đầu tư và Nghị định 63 chỉ dẫn chiếu việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu thì Luật PPP đã quy định rõ việc lựa chọn nhà đầu tư.

Cụ thể, các hình thức lựa chọn nhà đầu tư được áp dụng trong đầu tư theo phương thức PPP như sau:

- (a) *Đấu thầu rộng rãi*
 - (i) Là hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong đó không hạn chế số lượng nhà đầu tư tham dự.
 - (ii) Áp dụng cho tất cả dự án PPP, trừ trường hợp quy định được áp dụng đàm phán cạnh tranh, chỉ định nhà đầu tư hay lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.
- (b) *Đàm phán cạnh tranh*
 - (i) Là hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong đó chỉ có không quá 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án được mời tham dự.
 - (ii) Áp dụng trong trường hợp dự án ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao hoặc dự án ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.
- (c) *Chỉ định nhà đầu tư*

Áp dụng theo một trong các trường hợp:

- (i) Dự án cần bảo đảm về quốc phòng, an ninh quốc gia, bí mật Nhà nước;
 - (ii) Dự án cần lựa chọn ngay nhà đầu tư thay thế để bảo đảm tính liên tục trong quá trình thực hiện dự án xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.
- (d) *Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt*

Trường hợp dự án PPP xuất hiện các điều kiện đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các trường hợp đấu thầu rộng rãi, đàm phán cạnh tranh hay chỉ định nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà đầu tư.

Như vậy, vấn đề lựa chọn nhà đầu tư đã được quy định rất rõ ràng trong Luật PPP. Việc lựa chọn nhà đầu tư luôn là vấn đề phức tạp, thường tiềm ẩn nhiều sai phạm. Do đó, nếu các quy định của pháp luật không rõ ràng sẽ dẫn đến việc thực hiện tùy nghi, tiêu cực. Với các quy định khá đầy đủ của Luật mới sẽ góp phần đảm bảo minh bạch hóa quá trình lựa chọn nhà đầu tư, từ đó đảm bảo các nhà đầu tư tư nhân sẽ được tham gia một cách công bằng, bình đẳng trong các hoạt động đầu tư theo phương thức PPP.

10. Doanh nghiệp dự án PPP được thành lập theo dạng công ty:

Theo quy định tại Điều 44 của Luật PPP, sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư chỉ được thành lập doanh nghiệp dự án PPP theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần (không được là công ty đại chúng) và có mục đích duy nhất để ký kết, thực hiện hợp đồng dự án PPP.

11. Về cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu: Luật quy định cơ chế chia sẻ được áp dụng cho tất cả các dự án PPP với tỷ lệ cố định 50%-50% cho hai bên và trên cơ sở kiểm soát định kỳ doanh thu hàng năm. Việc chia sẻ phần giảm doanh thu khi doanh thu thực tế chỉ đạt 75% doanh thu trong phương án tài chính chỉ được áp dụng khi đã thực hiện đầy đủ các biện pháp điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công hoặc thời hạn hợp đồng và phải được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán phần giảm doanh thu.

So với dự thảo được trình trước đó, Điều 84 của Luật này đã chốt phương án thực hiện cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu như sau:

- (a) Khi doanh thu thực tế đạt cao hơn 125% mức doanh thu trong phương án tài chính tại hợp đồng dự án PPP, Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chia sẻ với Nhà nước 50% phần tăng thu giữa doanh thu thực tế đó và doanh thu đạt ở mức 125% doanh thu trong phương án tài chính.

- (b) Nhà nước chia sẻ với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP 50% phần giảm thu giữa doanh thu thực tế và doanh thu cam kết tại hợp đồng đối với dự án PPP đáp ứng được một số điều kiện nhất định.

Đây được đánh giá là một cơ chế mới, đặc biệt quan trọng trong quá trình thực hiện dự án PPP. Theo quy định trên việc tăng giảm doanh thu được chia thành 2 trường hợp: trường hợp doanh thu thực tế đạt cao hơn 125% mức doanh thu trong phương án tài chính tại hợp đồng dự án PPP và trường hợp doanh thu thực tế đạt thấp hơn 75% mức doanh thu trong phương án tài chính tại hợp đồng dự án PPP. Quy định này thể hiện sự chia sẻ giữa Nhà nước và nhà đầu tư tư nhân trong trường hợp tăng hoặc giảm doanh thu. Trường hợp tăng doanh thu ở một mức độ nhất định thì nhà đầu tư tư nhân phải có nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước để đảm bảo thực hiện công bằng xã hội. Trường hợp giảm doanh thu đến một tỷ lệ nhất định thì nhà đầu tư sẽ nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước. Tuy nhiên, điều kiện để nhận được sự chia sẻ của Nhà nước trong trường hợp giảm doanh thu khá nghiêm ngặt như: Dự án áp dụng loại hợp đồng BOT, hợp đồng BTO, hợp đồng BOO; Quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi làm giảm doanh thu; Đã thực hiện đầy đủ các biện pháp điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án nhưng chưa bảo đảm mức doanh thu tối thiểu là 75%... Đồng thời việc chia sẻ doanh thu giảm phải được xác định trong quyết định chủ trương đầu tư. Các quy định này hướng tới mục tiêu đảm bảo yên tâm cho nhà đầu tư tư nhân thực hiện dự án PPP nhưng cũng đồng thời đặt ra các tiêu chuẩn chặt chẽ để tránh trường hợp tiêu cực hay tránh trường hợp Nhà nước phải đứng ra bù đắp cho những doanh nghiệp yếu kém.

- 12. Về huy động vốn của doanh nghiệp dự án PPP:** Bên cạnh kênh huy động vốn truyền thống là từ vốn tín dụng của các ngân hàng, Luật PPP cho phép các doanh nghiệp dự án PPP được phát hành trái phiếu doanh nghiệp để huy động vốn thực hiện dự án PPP từ các nhà đầu tư chuyên nghiệp.

Cụ thể, doanh nghiệp dự án PPP được phát hành, mua lại trái phiếu riêng lẻ do mình đã phát hành, chứng khoán để huy động vốn thực hiện dự án PPP; không được phát hành trái phiếu riêng lẻ chuyển đổi và trái phiếu riêng lẻ kèm chứng quyền.

Việc phát hành trái phiếu phải đáp ứng đủ 03 điều kiện:

- (a) Số vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu không vượt quá giá trị phần vốn vay được xác định tại hợp đồng dự án PPP;
- (b) Vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài mục đích thực hiện dự án theo hợp đồng dự án PPP hoặc cho việc cơ cấu lại các khoản nợ của doanh nghiệp;

- (c) Doanh nghiệp dự án PPP phải mở tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua trái phiếu và giải ngân theo đúng quy định.

- 13. Các hoạt động hậu kiểm của Nhà nước:** bao gồm các hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; và bên cạnh đó là các hoạt động giám sát.

Về Kiểm toán Nhà nước với dự án PPP, Luật quy định cụ thể phạm vi, nội dung Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán đối với dự án PPP, bao gồm việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công trong dự án PPP.

- 14. Các loại hợp đồng dự án PPP:** Tại Điều 45, kế thừa các quy định về PPP cũ, Luật đã nêu ra 2 nhóm hợp đồng là: kinh doanh công trình dự án BTO, BOT, BOT, và BOO; và nhóm BLT, BTL.

Còn tại Điều 101 của Luật PPP đã quy định không ghi nhận các dự án áp dụng loại hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) là dự án PPP. Luật PPP thể chế chủ trương dừng thực hiện các dự án BT trong thời gian tới. Theo đó, kể từ thời điểm Luật PPP có hiệu lực, Việt Nam sẽ dừng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BT và quy định chuyển tiếp cho các dự án đang triển khai được quy định cụ thể trong Luật này. Đặc biệt, kể từ ngày 15/8/2020, các dự án BT chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư phải dừng thực hiện.

Luật PPP hứa hẹn sẽ tạo điều kiện cho các nhà đầu tư cũng như các bên liên quan trong việc thực thi các dự án. Tuy nhiên, việc khẩn trương ban hành các Nghị định lẫn Thông tư hướng dẫn là điều cần thiết cho mục đích đẩy nhanh hoạt động PPP.

Để triển khai thực hiện Luật PPP, Chính phủ dự kiến ban hành 03 Nghị định hướng dẫn Luật. Cụ thể là: Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PPP (Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì); Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PPP về lựa chọn nhà đầu tư (Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, hiện nay, Cục Đấu thầu đang hoàn thiện các bước cuối cùng để đưa ra lấy ý kiến); Nghị định quy định về cơ chế tài chính trong đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Bộ Tài chính chủ trì) để thay thế cho Thông tư 88 hiện nay, nhằm tạo ra một cơ chế tốt hơn cho nhà đầu tư.

Luật Sở hữu Trí tuệ

Cục Sở hữu trí tuệ ban hành thông báo về việc áp dụng các quy định liên quan đến người có tư cách pháp lý ký các tài liệu với danh nghĩa là đại diện của chủ đơn

Ngày 23/11/2020, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Thông báo số 13822/TB-SHTT về việc áp dụng các quy định liên quan đến người có tư cách pháp lý ký các tài liệu với danh nghĩa là đại diện của chủ đơn trong thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp và các thủ tục có liên quan.

Trước đây, Giấy ủy quyền và các tài liệu khác được ký bởi bất kỳ người đại diện được ủy quyền nào của chủ đơn đều được Cục Sở hữu trí tuệ thừa nhận mà không yêu cầu phải nộp kèm theo tài liệu xác minh thẩm quyền của người ký thay mặt chủ đơn.

Thực tiễn mới dưới Thông báo nêu trên liên quan đến người đại diện ký các tài liệu thay mặt chủ đơn được cho là nghiêm ngặt hơn nhiều so với trước đây và do đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến cả chủ đơn Việt Nam và chủ đơn là tổ chức, cá nhân nước ngoài, đặc biệt là trong thời gian đại dịch COVID-19 diễn biến nghiêm trọng, khi rất nhiều người đang phải làm việc tại nhà, quy định hiện hành dường như là khá đột ngột và khắt nghiệt và hiện tại chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng quy định này trong thực tế.

Các Giấy ủy quyền đã được nộp vào Cục Sở hữu trí tuệ cho các đơn đang trong quá trình thẩm định mà không đáp ứng các quy định mới cũng có thể bị từ chối dưới các quy định mới. Chúng tôi cho rằng thực tiễn mới này sẽ gây nhiều khó khăn và bất tiện cho chủ đơn trong thời gian tới.

Các nội dung chính của Thông báo nêu trên được tóm tắt như sau:

1. Đối với chủ đơn là cá nhân

Đại diện của chủ đơn là người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Dân sự hoặc theo ủy quyền của chủ đơn thông qua Giấy ủy quyền (bao gồm ủy quyền cho cá nhân, tổ chức hoặc tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp). Giấy ủy quyền phải do chính cá nhân đó tự thực hiện và việc ủy quyền đại diện phải tuân thủ các quy định tại Điểm 3 và Điểm 4 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

2. Đối với chủ đơn là tổ chức

2.1. Trong trường hợp đại diện của chủ đơn là người đại diện theo pháp luật của chủ đơn

Trong trường hợp người ký Tờ khai và các giấy tờ giao dịch có các chức danh như Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc, người ký chỉ cần tự xác nhận là đại diện theo pháp luật của chủ đơn thông qua chữ ký, con dấu (theo quy định, nếu có) của mình.

Mặt khác, trường hợp người ký Tờ khai và các giấy tờ giao dịch có các chức danh khác như cấp Phó của các chức danh nêu tại điểm trên hoặc các chức danh Chánh Văn Phòng, Trưởng phòng, hoặc cấp phó của các chức danh này, v.v... hoặc các chức danh khác của các tổ chức nước ngoài như attorney in fact, authorized signatory, proxy, officer v.v, chủ đơn phải cung cấp tài liệu chứng minh người ký có tư cách đại diện theo pháp luật của chủ đơn và đóng dấu (theo quy định pháp luật, nếu có).

2.2. Trong trường hợp đại diện cho chủ đơn là Người thuộc tổ chức được người đại diện theo pháp luật ủy quyền

Ngoài việc tuân thủ các quy định về người đại diện theo pháp luật như đã nêu tại Mục 2.1, chủ đơn phải cung cấp tài liệu để chứng minh về việc được ủy quyền đó.

2.3. Trong trường hợp đại diện cho chủ đơn là Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Trong trường hợp tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp là đại diện cho chủ đơn thông qua Giấy ủy quyền, theo đó, người ký Giấy ủy quyền này cũng phải đáp ứng các yêu cầu nêu tại mục 2.1 hoặc 2.2 nêu trên và tuân thủ các quy định tại Điểm 3, Điểm 4, Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

3. Lưu ý khác

Ngoài ra, một lưu ý khác là trong trường hợp cá nhân đại diện cho tổ chức là chủ đơn nước ngoài không chứng minh được tư cách đại diện theo pháp luật hoặc tư cách được quy định thì các tài liệu phải được chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự đối với chữ ký của cá nhân đó.

Các lĩnh vực khác:

Tài chính

- Quyết định số 1923/QĐ-TTg ngày 25/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật Nhà nước thuộc lĩnh vực tài chính, ngân sách;
- Quyết định số 1736/QĐ-BTC ngày 04/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi Quyết định số 1799/QĐ-BTC quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm và Quyết định số 98/QĐ-BTC sửa đổi Quyết định số 1799/QĐ-BTC quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm và Quyết định số 565/QĐ-BTC về quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo bảo hiểm thuộc Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm.

Ngân hàng

- Thông tư số 15/2020/TT-NHNN ngày 20/11/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi Thông tư số 26/2013/TT-NHNN về Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thông tư số 14/2020/TT-NHNN ngày 16/11/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;
- Thông tư số 13/2020/TT-NHNN ngày 13/11/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi Thông tư số 22/2018/TT-NHNN hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 11/2020/TT-NHNN ngày 02/11/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi Thông tư số 24/2017/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;
- Thông tư số 10/2020/TT-NHNN ngày 02/11/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi Thông tư số 28/2015/TT-NHNN quy định về quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước.

Thương mại

- Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về quản lý, sử dụng pháo;
- Thông tư số 09/2020/TT-BKHĐT ngày 27/11/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;
- Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ Tài chính bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại các khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu;
- Thông tư số 90/2020/TT-BTC ngày 11/11/2020 của Bộ Tài chính quy định các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Lao động

- Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 quy định về tuổi nghỉ hưu;
- Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục nghề nghiệp Việt Nam;
- Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 04/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Quyết định số 655/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án "Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại khu công nghiệp, khu chế xuất";
- Quyết định số 4958/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội công bố Danh mục thủ tục hành chính, bị bãi bỏ lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động (Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hà Nội.

Y tế

- Nghị định số 131/2020/NĐ-CP ngày 02/11/2020 quy định về tổ chức, hoạt động được lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- Quyết định số 4976/QĐ-BYT ngày 30/11/2020 của Bộ Y tế về Phần mềm "Xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, bà mẹ cho con bú và trẻ em từ 7 tháng đến 60 tháng tuổi";
- Quyết định số 4946/QĐ-BYT ngày 26/11/2020 của Bộ Y tế về tài liệu "Hướng dẫn sàng lọc và can thiệp giảm tác hại cho người có nguy cơ sức khỏe do uống rượu, bia tại cơ sở chăm sóc sức khỏe ban đầu và tại cộng đồng";

- Quyết định số 4942/QĐ-BYT ngày 25/11/2020 của Bộ Y tế công bố thủ tục hành chính mới lĩnh vực thi đua khen thưởng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;
- Quyết định số 4838/QĐ-BYT ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Bảng kiểm tra kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Quyết định số 3822/QĐ-BGDĐT ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt tài liệu truyền thông về phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và công tác y tế trong trường học;
- Quyết định số 4815/QĐ-BYT ngày 20/11/2020 của Bộ Y tế về tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị viêm phổi mắc phải cộng đồng ở người lớn”;
- Quyết định số 4782/QĐ-BYT ngày 18/11/2020 của Bộ Y tế về Bộ tiêu chí khung đánh giá nguy cơ dịch bệnh truyền nhiễm;
- Quyết định số 4862/QĐ-BYT ngày 10/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về danh mục trang thiết bị sử dụng trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y dược cổ truyền;
- Quyết định số 4627/QĐ-BYT ngày 06/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Chương trình bồi dưỡng Phương pháp dạy-học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
- Thông tư số 21/2020/TT-BYT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sỹ y khoa;
- Thông tư số 20/2020/TT-BYT ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi Thông tư số 30/2018/TT-BYT về Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;
- Thông tư số 18/2020/TT-BYT ngày 12/11/2020 của Bộ Y tế quy định về hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện;
- Thông tư số 17/2020/TT-BYT ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về giá tối đa và chi phí phục vụ cho việc xác định giá một đơn vị máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn.

Giáo dục

- Quyết định số 3390/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về giao nhiệm vụ bồi dưỡng, đánh giá và cấp chứng chỉ tiếng Việt cho

người nước ngoài;

- Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6;
- Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2;
- Thông tư số 42/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo liên tịch ban hành trong lĩnh vực giáo dục;
- Thông tư số 41/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong lĩnh vực giáo dục.

Giao thông vận tải

- Quyết định số 2166/QĐ-BGTVT ngày 18/11/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về thanh tra công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, hoạt động của bến xe ô tô khách;
- Quyết định số 2149/QĐ-BGTVT ngày 17/11/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về thông báo các văn bản hết hiệu lực liên quan đến công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng, lựa chọn nhà thầu;
- Quyết định số 2097/QĐ-BGTVT ngày 06/11/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Giao thông Vận tải (Phiên bản 2.0);
- Quyết định số 2094/QĐ-BGTVT ngày 06/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 05 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18/11/2020 của Bộ Giao thông Vận tải sửa đổi Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT hướng dẫn về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BGTVT ngày 05/11/2020 của Bộ Giao thông Vận tải hợp nhất Thông tư quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng do Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành.

Xây dựng

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 hướng dẫn Luật Phòng cháy và

chữa cháy và Luật Phòng cháy và chữa cháy sửa đổi;

- Nghị quyết số 164/NQ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ về tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị theo quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP về Quản lý đầu tư phát triển đô thị.

Tài nguyên - Môi trường

- Quyết định số 2523/QĐ-BTNMT ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 3499/QĐ-BTNMT quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Truyền thông Tài nguyên và Môi trường;
- Quyết định số 3285/QĐ-BVHTTDL ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về phê duyệt nhiệm vụ môi trường “Tổ chức phát động bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch”;
- Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ngày 27/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường.

Khoa học kỹ thuật

- Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 3115/QĐ-BKHCN ngày 13/11/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi Quyết định số 3810/QĐ-BKHCN công bố sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thông tư số 38/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với máy phát điện phòng nổ sử dụng trong mỏ hầm lò;
- Thông tư số 36/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ;
- Thông tư số 34/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên;
- Thông tư số 33/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dùng cho lộ thiên.

Thông tin - Truyền thông

- Quyết định số 2046/QĐ-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025";
- Quyết định số 1864/QĐ-BTTTT ngày 03/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản;
- Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông;
- Thông tư số 38/2020/TT-BTTTT ngày 16/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị vô tuyến mạng diện rộng công suất thấp (LPWAN) băng tần 920 MHz đến 923 MHz";
- Thông tư số 37/2020/TT-BTTTT ngày 13/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy hoạch sử dụng kênh tần số cho truyền hình số mặt đất băng tần 470-694 MHz;
- Thông tư số 36/2020/TT-BTTTT ngày 13/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi Thông tư số 40/2016/TT-BTTTT quy định về đào tạo, cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải;
- Thông tư số 35/2020/TT-BTTTT ngày 06/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz";
- Thông tư số 34/2020/TT-BTTTT ngày 06/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị vô tuyến cự ly ngắn băng tần 1 GHz đến 40 GHz";
- Thông tư số 33/2020/TT-BTTTT ngày 04/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 32/2020/TT-BTTTT ngày 04/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất

lượng.

Hành chính - Tư pháp

- Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng;
- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- Nghị định số 133/2020/NĐ-CP ngày 09/11/2020 hướng dẫn Luật Thi hành án hình sự;
- Quyết định số 1957/QĐ-TTg ngày 30/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em;
- Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 03/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật Nhà nước của Đảng;
- Quyết định số 2237/QĐ-BTP ngày 03/11/2020 của Bộ Tư pháp công bố Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận trên Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ Tư pháp;
- Thông tư số 5/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ Khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV hướng dẫn Nghị định số 91/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thi đua, khen thưởng;
- Thông tư số 117/2020/TT-BCA ngày 05/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi Thông tư số 13/2016/TT-BCA quy định thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa của lực lượng Công an nhân dân.

Nông - Lâm - Ngư nghiệp

- Quyết định số 4832/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công bố Danh mục các loại gỗ đã nhập khẩu vào Việt Nam và Danh sách vùng địa lý tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam;
- Quyết định số 4431/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về phê duyệt đề án Phát triển nuôi và xuất khẩu tôm hùm đến năm 2025;
- Quyết định số 4354/QĐ-BNN-TCTS ngày 02/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về phê duyệt Đề án phát triển sản xuất và xuất khẩu tôm càng xanh;

- Thông tư liên tịch số 14/2020/TTLT-BNNPTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 26/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Bộ Tư pháp - Bộ Công an - Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao - Tòa án Nhân dân Tối cao bãi bỏ Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC về hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật Hình sự về tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;
- Thông tư số 13/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT quy định về ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác;
- Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; kê đơn, đơn thuốc thú y; sửa đổi Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT.

Doanh nghiệp

- Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025;
- Thông tư số 08/2020/TT-BKHĐT ngày 13/11/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn việc tiếp nhận tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Văn bản khác

- Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 sửa đổi Nghị định số 84/2016/NĐ-CP về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết;
- Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 18/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Khung hành động đổi mới cơ chế, chính sách đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long;
- Quyết định số 1326/QĐ-LĐTBXH ngày 04/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi

chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

- Thông tư số 89/2020/TT-BTC ngày 11/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi, Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, Thông tư số 195/2014/TT-BTC ngày 17/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm; Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; bãi bỏ Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn vấn đề tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/07/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Thông tư số 43/2016/TT-BTC ngày 03/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Điều 5 Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề về tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/07/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;
- Quyết định số 2825/QĐ-BCT ngày 03/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về đính chính Thông tư số 21/2020/TT-BCT quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực.

Địa chỉ liên hệ

Văn phòng tại Hà Nội

Phạm Nghiễm Xuân Bắc

Tổng Giám đốc

Lưu Tiên Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Lê Quỳnh Anh

Giám đốc Công ty Luật

Nguyễn Nguyệt Dzung

Giám đốc Văn phòng Sở hữu Trí tuệ

Phòng 308-310, Tầng 3, Tháp Hà Nội

49 Phố Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-24-3934 0629 / 3826 4797 - Fax: 84-24-3934 0631

E-mail: vision@vision-associates.com

Văn phòng tại TP. HCM

Lưu Tiên Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Vân

Giám đốc Văn phòng tại TP. HCM

Phòng 905, Tầng 9, CitiLight Tower

45 Đường Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 84-28-3823 6495 - Fax: 84-28-3823 6496

E-mail: hcmvision@vision-associates.com

www.vision-associates.com